

Bản án số:15/2018/HS-ST
Ngày 23-3-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường.

Các Hội thẩm nhân dân:

+ Ông Phạm Văn Quang – Nghề nghiệp: Giáo viên nghỉ hưu.

+ Ông Nguyễn Đức Đông- Nghề nghiệp: Cán bộ nghỉ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Vũ Cao Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang tham gia phiên tòa:

Ông Vũ Xuân Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 3 năm 2018 tại Trụ sở TAND huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 15/2018/TLST-HS ngày 28 tháng 02 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2018/QĐXXST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2018; Quyết định thay đổi hội thẩm nhân dân số 01/2018/QĐ-TA ngày 22/3/2018 đối với các bị cáo :

1. Vũ Văn N - sinh ngày 14/01/1995, tại xã H, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Nơi cư trú: thôn D, xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 7/12. Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam, Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Vũ Văn T và bà Vũ Thị H. Có vợ và 2 con.

Tiền án; Tiền sự: Không;

Nhân thân: Ngày 31/7/2009, bị xử lý hành chính bằng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng theo Quyết định số 1260/QĐ-UB-NC của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Giang, đến ngày 01/5/2011 chấp hành xong quyết định.

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

2. Vũ Khắc L - sinh ngày 02/7/2000, tại xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Nơi đăng ký Hộ khẩu thường trú: thôn D, xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Chỗ ở hiện nay: thôn Đ, xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Nghề nghiệp: chưa có (đang là học sinh Trung học phổ thông); Trình độ học vấn: đang học lớp 12. Dân tộc: Kinh; giới tính: Nam, Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam;

Con ông Vũ Khắc H(đã chết) và bà Vũ Thị V.

Tiền án; Tiền sự: Không;

Bị cáo hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú, có mặt tại phiên tòa.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Vũ Khắc L:

Bà Vũ Thị V, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn Đ, xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương - là mẹ đẻ của bị cáo L. (có mặt tại phiên tòa).

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Phạm Văn Đ – Trợ giúp viên pháp lý trung tâm trợ giúp pháp lý nhà nước tỉnh Hải Dương. (Có mặt tại phiên tòa).

- **Bị hại:** anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1988 và Chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1988.

Địa chỉ: thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương.

(Vắng mặt)

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà Vũ Thị H, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Thôn D, xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương. (Có mặt).

- **Người làm chứng:** Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1963. Địa chỉ: thôn B, xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Sáng 25/11/2017, Vũ Văn N đi xe máy nhãn hiệu Dragon, biển kiểm soát 34F7 - 9407 (mượn của mẹ đẻ là bà Vũ Thị H) từ nhà N ở thôn D, xã N đến nhà bà Vũ Thị T, sinh năm 1962, ở thôn Bình Cách, xã Bình Xuyên, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương dự đám bốc mộ của ông Nguyễn Văn C (là chồng bà T). Đến khoảng 16 giờ ngày 25/11/2017, N ra cổng thấy xe máy nhãn hiệu Honda Dream, màu sơn nâu, biển kiểm soát 34B1 - 755.33, là tài sản chung của anh Nguyễn Văn D, sinh năm 1988 và chị Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1988 ở cùng thôn với bà T, dựng ở rìa đường bê tông đối diện với cổng nhà bà Tám, N ngồi lên yên xe máy hút thuốc. N lấy chìa khóa xe máy của mình mang theo cắm vào ổ khóa điện xe máy của anh D thì mở được khóa điện. Lúc này N nảy sinh ý định trộm cắp xe máy, quan sát xung quanh thấy vắng người, N nổ máy đi đến nhà Vũ Khắc L ở

thôn Đ, xã N, trên đường đi thì N gặp L ở đầu thôn Đ. N nói với L “Anh vừa nhảy được con xe máy này ở đám sang cát nhà bác Tám anh đem về nhà em cất nhé”, nghe vậy, L hiểu là N vừa trộm cắp được xe máy và nói “Thế mang xe về nhà em cất”. Tại nhà L, N dùng tay giật, tháo, bẻ biển số xe máy của anh D đưa cho L bảo L vứt đi, L cầm biển số xe máy vứt xuống sông ở phía sau nhà L. N dùng chìa khóa xe máy của mình mở ổ khóa cốp xe của anh D thấy có 01 ví da màu nâu, trong ví có 01 chứng minh thư nhân dân, 01 bằng lái xe, 01 đăng ký xe máy, 01 bảo hiểm xe máy đều mang tên Nguyễn Văn D ở xã B, huyện B, tỉnh Hải Dương. N giữ đăng ký xe máy còn ví da và giấy tờ N bảo L vứt xuống sông ở sau nhà L. Sau đó N và L quay lại nhà bà Tám, tại đây ông Nguyễn Văn H và bà T nghỉ ngơi và hỏi N có đi nhằm xe máy của anh D không thì N trả lời là không. Đến khoảng 19 giờ 30 phút do sợ bị phát hiện về việc trộm cắp xe máy của anh D nên N đi xe máy của mình, còn L đi xe máy trộm cắp của anh D ra bãi cát đang san lấp ở rìa đường tỉnh lộ 392 thuộc địa phận thôn Quang Tiên, xã Bình Minh, huyện Bình Giang để, rồi N và L đi về nhà. Đến 21 giờ 30 phút ngày 25/11/2017, Công an xã Bình Minh phát hiện và quản lý chiếc xe máy trên và giao nộp cho Công an huyện Bình Giang để điều tra xử lý theo thẩm quyền.

Vật chứng thu giữ: 01 xe máy nhãn hiệu Honda Dream, BKS 34B1 - 755.33, màu sơn nâu; 01 tấm sắt ốp biển số xe kích thước 15x20cm, màu trắng; 01 đăng ký xe máy mang tên Nguyễn Văn D và 01 chìa khóa xe máy số hiệu A599.

Ngày 21/12/2017, Cơ quan điều tra đã trao trả chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream, BKS 34B1 - 755.33, 01 tấm sắt ốp biển số kích thước (15x20)cm, màu trắng và đăng ký xe máy mang tên Nguyễn Văn D cho anh D. Còn 01 chứng minh thư nhân dân, 01 bằng lái xe, 01 đăng ký xe máy, 01 bảo hiểm xe máy và 01 biển số xe máy, Cơ quan điều tra không thu giữ được, anh D không yêu cầu đề nghị các bị can bồi thường chi phí cấp lại giấy tờ .

Tại bản Kết luận định giá số 38/HĐĐGTS ngày 04/12/2017 của Hội đồng định giá tài sản đã kết luận: Chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Dream, BKS 34B1 - 755.33, màu sơn nâu có giá trị là 16.000.000 (mười sáu triệu) đồng.

Tại bản cáo trạng số 15/CT-VKS ngày 27/02/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương đã truy tố bị cáo Vũ Văn N về tội Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015; truy tố bị cáo Vũ Khắc L về tội Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 250 của Bộ luật Hình sự 1999.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố của bản cáo trạng và đề nghị:

Về tội danh: Tuyên bố Vũ Văn N phạm tội Trộm cắp tài sản. Vũ Khắc L phạm tội Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có.

Về hình phạt chính:

Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm i, s khoản 1, **khoản 2** Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52; Điều 38 của Bộ luật hình sự 2015. Xử phạt N từ 08-10 tháng tù, tính từ ngày bắt thi hành án.

Áp dụng khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự 1999; khoản 3 Điều 7; điểm i, s khoản 1, **khoản 2** Điều 51; khoản 1, 2 Điều 36; Điều 100 của Bộ luật hình sự 2015. Nghị quyết 41/2017/QH14 ngày 20/6/2017 của Quốc Hội

Xử phạt L 06 đến 09 tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho UBND xã N giám sát giáo dục.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về xử lý vật chứng: Tịch thu tiêu hủy chiếc chìa khóa là vật chứng.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Tại phiên tòa bị cáo N khai nhận đã thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản, bị cáo L khai nhận hành vi cất giấu tài sản như nội dung đã nêu trên và đều nhất trí với bản Kết luận định giá tài sản trộm cắp. Bị cáo N nhất trí với truy tố của Viện Kiểm sát và xin giảm nhẹ hình phạt.

Người bào chữa cho bị cáo L nhất trí với truy tố của Viện kiểm sát về tội danh, tuy nhiên về xử lý trách nhiệm hình sự, thì có ý kiến đề nghị HĐXX áp dụng Điều 91 Bộ luật hình sự 2015 để miễn trách nhiệm hình sự cho L và áp dụng hình thức xử lý là khiển trách với lý do L là người chưa đủ 18 tuổi khi phạm tội, phạm tội khi cả nể anh con bác mình (là bị cáo N) nhờ cất giấu xe máy. Bị cáo L và người đại diện hợp pháp của bị cáo L nhất trí với ý kiến của người bào chữa.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa, nhưng tại cơ quan điều tra khai mất tài sản như nội dung nêu trên, không yêu cầu các bị cáo bồi thường và xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Bình Giang, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, Người bào chữa cho bị cáo L, các bị cáo, người đại diện gia đình bị cáo L, các bị hại, không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về nội dung vụ án:

Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị hại, của người làm chứng, vật chứng thu giữ, với kết quả thực nghiệm điều tra và tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, nên đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 16 giờ ngày 25/11/2017, khi Vũ Văn N ngồi trên xe máy nhãn hiệu Honda Dream, màu sơn nâu, biển kiểm soát 34B1 - 755.33, trị giá 16.000.000 đồng, của vợ chồng anh Nguyễn Văn D và chị Nguyễn Thị Thu H, dừng ở rìa đường bê tông thuộc thôn B, xã B, huyện Bình Giang, tỉnh Hải Dương, thì phát hiện chìa khóa xe máy của N mở được khóa điện xe máy của anh D. Lúc này, N nảy sinh ý định chiếm đoạt xe máy của anh D, nên đã dùng chìa khóa xe máy của mình mở khóa điện rồi điều khiển xe máy của anh D đi đến nhà Vũ Khắc L ở Đ, xã N. Khi gặp L, N đã nói cho L biết nguồn gốc xe trộm cắp và nhờ cất xe ở nhà L. L đồng ý, N đã cất xe máy chiếm đoạt được tại nhà L. Sau đó, do sợ bị phát hiện nên khoảng 19 giờ 30 phút cùng ngày, N và L đem xe máy trộm cắp của anh D ra bãi cát đang san lấp ở rìa đường tỉnh lộ 392 thuộc địa phận thôn Quang Tiền, xã Bình Minh, huyện Bình Giang để ở đó.

Hành vi của bị cáo N là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác được luật hình sự bảo vệ. Bị cáo đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ hậu quả của hành vi, song vẫn thực hiện, nên có lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Trộm cắp tài sản, theo khoản 1 Điều 138 của Bộ luật hình sự 1999 (nay là khoản 1 Điều 173 của Bộ luật hình sự 2015).

Hành vi của bị cáo L cất giấu tài sản, khi biết rõ tài sản đó là tài sản do N phạm tội mà có, là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự công cộng. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi nguy hiểm khi nhận thức rõ hậu quả, là có lỗi cố ý. Hành vi của L đã đủ yếu tố cấu thành tội Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có theo khoản 1 Điều 250 của Bộ luật hình sự 1999.

Do vậy, xác định Viện kiểm sát nhân dân huyện Bình Giang truy tố các bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội.

Xét nhân thân: Bị cáo N có nhân thân không tốt, thể hiện ở việc ngày 31/7/2009, bị xử lý hành chính về hành vi trộm cắp tài sản bằng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng theo Quyết định số 1260/QĐ-UB-NC của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Bình Giang, đến ngày 01/5/2011 chấp hành xong quyết định. Bị cáo L có nhân thân tốt, thể hiện ở việc cho đến nay, bị cáo chưa phạm tội, chưa bị xử lý vi phạm hành chính.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo hành vi phạm tội, ăn năn hối cải; bị hại xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, nên bị cáo N, L được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015. Bị cáo L phạm tội lần đầu và phạm tội ít nghiêm trọng, nên hưởng tình tiết giảm nhẹ tại điểm i khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự 2015.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Bị cáo N, tại phiên tòa, thừa nhận biết rõ L chưa đủ 18 tuổi, nhưng vẫn đề xuất để nhờ tài sản trộm cắp tại nhà L, dẫn đến việc L đồng ý

và phạm tội, do vậy N phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm quy định tại điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015 là xúi giục người chưa đủ 18 tuổi phạm tội.

Xét tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội, nhân thân, tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo, HĐXX thấy rằng đối với N, cần áp dụng hình phạt tù có thời hạn để giáo dục bị cáo thành người có ích. Tuy nhiên, với giá trị tài sản chiếm đoạt trong vụ án là 16.000.000 đồng thì đề nghị áp dụng hình phạt của Viện kiểm sát là nhẹ, HĐXX thấy cần áp dụng mức hình phạt cao hơn so với đề xuất của Viện kiểm sát đối với N.

Đối với bị cáo L phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, nên đề nghị của Viện kiểm sát về áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ, cho bị cáo cải tạo tại địa phương là phù hợp, đủ để giáo dục bị cáo thành người có ích. Đối với đề nghị của người bào chữa cho bị cáo L về áp dụng Điều 91 của Bộ luật hình sự 2015, miễn TNHS cho bị cáo L, HĐXX thấy rằng chưa đủ điều kiện áp dụng, nên không chấp nhận, tuy nhiên, xét thấy L nhất thời phạm tội, nên HĐXX cân nhắc áp dụng mức phạt cải tạo không giam giữ ở mức thấp, phù hợp với chính sách hình sự đối với người chưa đủ 18 tuổi phạm tội.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo N có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, bị cáo L chưa đủ 18 tuổi, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Về trách nhiệm dân sự: Xe máy bị chiếm đoạt đã trả cho bị hại, bị hại không yêu cầu bồi thường thiệt hại, nên không phải xem xét trong vụ án.

Về vật chứng và biện pháp tư pháp: Chiếc chìa khóa xe máy số hiệu A599, tại giai đoạn điều tra, N khai là của N nhặt được, tuy nhiên tại phiên tòa N khẳng định lời khai đó không đúng sự thật, mà chìa khóa này là chìa khóa xe của mẹ đẻ bị cáo (bà Vũ Thị H). Tại phiên tòa, bà H không đề nghị lấy lại chìa khóa vì đã cũ, mặt khác bà vẫn còn chìa khóa khác để sử dụng xe máy. Xét đây là công cụ phạm tội, nên cần tịch thu tiêu hủy.

Về án phí, bị cáo N, L phạm tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm o khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo Vũ Văn N.

Tuyên bố bị cáo Vũ Văn N phạm tội Trộm cắp tài sản.

Xử phạt bị cáo Vũ Văn N 12 (mười hai) tháng tù, tính từ ngày bắt thi hành án.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 250 Bộ luật hình sự 1999; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1, 2 Điều 36, Điều 100 của Bộ luật hình sự 2015.

Tuyên bố bị cáo Vũ Khắc L phạm tội Chứa chấp tài sản do người khác phạm tội mà có.

Xử phạt bị cáo Vũ Khắc L 06 (sáu) tháng cải tạo không giam giữ, thời hạn tính từ ngày Ủy ban nhân dân xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương nhận được bản án và quyết định thi hành án.

Giao bị cáo L cho UBND xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian chấp hành hình phạt.

Về vật chứng và biện pháp tư pháp: Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự .

Tịch thu tiêu hủy 01 chiếc chìa khóa xe máy số hiệu A599. Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/3/2018 giữa cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện Bình Giang với Chi cục thi hành án dân sự huyện Bình Giang.

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Vũ Văn N, bị cáo Vũ Khắc L mỗi bị cáo chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo; người bào chữa cho bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần nội dung của bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (23/3/2018).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- VKSND huyện Bình Giang;
- Công an huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- Cơ quan THAHS CA tỉnh Hải Dương;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HSVA;

Đã ký

Nguyễn Văn Cường